TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST Ngày: 14/12/2023. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Trãi.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Liêm –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-HN ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HN ngày 21 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HN ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kiều O**, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh G (xin vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Phi L**, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp ML, xã PL, huyện TP, tỉnh TG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L kết hôn năm 2019 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 09/9/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh

phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh L có mối quan hệ tình cảm bên ngoài trong khi anh L buộc chị phải chăm lo cho gia đình anh L và con chung của anh chị. Vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, cự cãi nhau anh L đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh Nguyễn Phi L.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung anh chị có một con chung Nguyễn Nhật Ph, sinh ngày 22/7/2020; con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn Nguyễn Phi L:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Phi L, địa chỉ: ấp ML, xã PL, huyện TP, tỉnh TG nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Phi L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Phi L sống chung năm 2019 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh L là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị O là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về tiền bạc. Tháng 7/2023, chị đã ly thân với anh L và về nhà mẹ ruột tại xã MHĐ, thị xã C sống cho đến nay; thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng như không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn đoàn tụ nhưng anh L không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến; nay chị O xin ly hôn do không còn tình cảm với anh L, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều O.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, anh chị có một con chung Nguyễn Nhật Ph, sinh ngày 22/7/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng chị O, khi ly hôn chị O yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Nhật Ph đang sống ổn định cùng chị O. Chị O có công việc và có nguồn thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con chung nên cần giao con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho cháu Nhật Ph. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Oanh, giao con chung Nguyễn Nhật Ph cho chị O

trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Kiều O phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kiều O ly hôn với anh Nguyễn Phi L.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật Ph, sinh ngày 22/7/2020 cho chị Trần Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Phi L được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4.Về án phí: Chị Trần Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 0012054 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị O đã nộp đủ án phí.

5.Quyền kháng cáo: Chị O, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Tân Phước;
-Chi cục THADS huyện Tân Phước;
-Các đương sự;
-UBND xã Phước Lập,
huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thuyền